

Phụ lục III

KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk)

STT	Cấp đánh giá tiềm năng đất đai	Ký hiệu	Toàn tỉnh (ha)	Chia theo đơn vị hành chính cấp huyện (ha)														
				TP. B.Ma Thuột	TX. Buôn Hồ	H. Ea H'leo	H. Ea Súp	H. Krông Năng	H. Krông Búk	H. Buôn Đôn	H. Cư M'gar	H. Ea Kar	H. M'Đrắk	H. Krông Pắc	H. Krông Bông	H. Krông A Na	H. Lắk	H. Cư Kuin
1	Mức tiềm năng cao	TN3	651.900	25.513	23.971	77.615	70.794	44.510	31.283	28.884	63.000	51.921	53.099	49.935	53.670	27.912	26.885	22.908
2	Mức tiềm năng trung bình	TN2	292.763	2.757	1.178	41.330	60.816	11.669	1.425	10.946	10.322	15.909	65.166	3.232	29.656	2.091	34.314	1.952
3	Mức tiềm năng thấp	TN1	43.767	506	72	6.386	20.311	199	67	734	854	789	1.601	530	6.917	373	4.390	38
	Cộng		988.430	28.776	25.221	125.331	151.921	56.378	32.775	40.564	74.176	68.619	119.866	53.697	90.243	30.376	65.589	24.898

Bao gồm cả diện tích khoanh nhỏ phân bố phân tán, với tổng diện tích là 10.652 ha, cụ thể: TN1 (5.486 ha), TN3 (5.166 ha).